

10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 7 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 1

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm): Hãy tìm và nêu ý nghĩa của trạng ngữ trong mỗi câu sau:

- Để thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, trí tuệ, không có gì thay thế được việc đọc sách.
- Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.
- Trong khoang thuyền, dàn nhạc gồm đàn tranh, đàn nguyệt, tí bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.
- Hôm nay, anh làm gì thế?
- Tôi đọc báo hôm qua.

Câu 2: (3.0 điểm): Hãy viết đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng câu rút gọn, câu đặc biệt và trạng ngữ.

Câu 3: (5.0 điểm): Trong năm học vừa qua em có rất nhiều kỷ niệm với thầy cô, bạn bè, mái trường... Hãy kể lại một kỷ niệm em cho là đáng nhớ nhất.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1: Trạng ngữ – ý nghĩa:

- Để thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, trí tuệ. Trạng ngữ chỉ mục đích.
- Từ xưa đến nay: Trạng ngữ chỉ thời gian; mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng: Trạng ngữ chỉ thời gian.
- Trong khoang thuyền: Trạng ngữ chỉ nơi chốn.
- Hôm nay: Trạng ngữ chỉ thời gian.

Câu 2:

- Hình thức trình bày (chính tả, từ, ngữ, câu,...).
- Đúng hình thức đoạn văn.
- Có sử dụng câu rút gọn, câu đặc biệt và trạng ngữ.

Câu 3:

- Yêu cầu về kỹ năng: Học sinh viết được một bài tự sự có bố cục rõ ràng. Biết kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

- Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau miễn là làm rõ được yêu cầu của đề. Một số gợi ý:

+ Mở bài: Giới thiệu về kỷ niệm khó quên: Với ai, về việc gì.

+ Thân bài:

- Hoàn cảnh xảy ra sự việc.
- Diễn biến sự việc.
- Mở đầu; Thất nút, cao trào, gỡ nút; Kết thúc.
- Bài học rút ra.

+ Kết bài: Tình cảm thái độ đối với câu chuyện.

2. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm): Có bạn cho rằng cụm từ “ta với ta” trong hai bài thơ “Qua đèo ngang” và “Bạn đến chơi nhà” hoàn toàn chẳng khác gì nhau. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 2: (2.0 điểm): Bài thơ Bánh trôi nước có những lớp nghĩa nào? Trong đó lớp nghĩa nào quyết định giá trị bài thơ? Vì sao?

Câu 3: (3.0 điểm): Hãy chép lại theo trí nhớ bài thơ “Qua đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan nêu nội dung, nghệ thuật của bài thơ?

Câu 4: (3.0 điểm): Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về một bài ca dao mà em yêu thích trong chương trình Ngữ văn 7, tập 1.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1:

- Hai bài thơ đều kết thúc bằng cụm từ “ta với ta”, hai cụm từ giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về nội dung, ý nghĩa biểu đạt.

+ Ở “Bạn đến chơi nhà” cụm từ có ý nghĩa chỉ hai người chủ và khách – hai người bạn. Cụm từ cho thấy sự thấu hiểu, cảm thông, gắn bó thân thiết giữa hai người bạn tri kỷ.

+ Ở “Qua đèo ngang” cụm từ có ý chỉ 1 người – chủ thể trữ tình của bài thơ. Cụm từ thể hiện sự cô đơn không thể sẻ chia của nhân vật trữ tình.

Câu 2:

- Bài thơ có hai lớp nghĩa:

+ Nghĩa tả thực: Miêu tả hình dáng, đặc điểm của chiếc bánh trôi nước.

+ Nghĩa ẩn dụ: Phản ánh vẻ đẹp, phẩm chất và thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.

- Trong hai nghĩa trên, nghĩa thứ hai quyết định giá trị bài thơ. Vì : thông qua hình tượng chiếc bánh trôi, nhà thơ muốn nói lên vẻ đẹp của người phụ nữ: hình thể xinh đẹp, phẩm chất trong trắng, dù gặp cảnh ngộ nào vẫn giữ được tấm lòng son sắt, thủy chung.

Câu 3:

- Chép thuộc lòng bài thơ “Qua Đèo Ngang”:

“Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.”

- Nội dung và nghệ thuật bài thơ:

+ Nội dung: Cảnh tượng Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, thấp thoáng có sự sống con người nhưng còn hoang sơ đồng thời thể hiện nỗi nhớ nước thương nhà, nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả.

+ Nghệ thuật : Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Sử dụng từ láy gợi hình gợi cảm và nghệ thuật đối lập, đảo ngữ.

Câu 4: Cảm nghĩa về bài ca dao: “Công cha như núi ngất trời”:

- Hai câu đầu: Khẳng định công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái:

+ So sánh “công cha” với “núi”, “nghĩa mẹ” với “nước” - vừa cụ thể vừa trừu tượng làm nổi bật công cha nghĩa mẹ dành cho con cái là vô cùng lớn lao không thể đo đếm được.

+ Sử dụng phép đối: “Công cha” – “Nghĩa mẹ” ; “Núi ngất trời” – “nước biển Đông” ⇒ Tạo cách nói truyền thống khi ca ngợi công lao cha mẹ trong ca dao.

- Hai câu sau: Lời nhắn nhủ ân tình thiết tha về đạo làm con:

+ “Cù lao chín chữ” là thành ngữ Hán Việt -> tượng trưng cho công lao cha mẹ sinh thành, nuôi dưỡng dạy bảo con cái vất vả, khó nhọc nhiều bề.

+ Khuyến những người con biết ghi lòng tạc dạ công ơn to lớn của cha mẹ.

3. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 3

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN NGHỊ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Câu 1: Trong những từ sau từ nào là từ ghép đẳng lập

- A. Xe đạp
- B. Quần áo
- C. Cá chép
- D. Cây bàng

Câu 2: Trong những từ sau, từ nào là từ láy?

- A. Thăm thẳm.
- B. tươi tốt.
- C. hoa hồng.
- D. tóc tai.

Câu 3: Trong câu “Họ đã làm xong công việc”, đại từ “Họ” thuộc ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ hai.
- B. Ngôi thứ nhất số ít.
- C. Ngôi thứ ba số ít.
- D. Ngôi thứ ba số nhiều.

Câu 4: Trong các câu sau đây, câu nào có dùng quan hệ từ?

- A. Bố mẹ rất buồn.
- B. Chiều hôm qua, anh ấy đến câu lạc bộ.
- C. Dòng sông này nước rất trong.
- D. Bạn và tôi cùng đến trường.

Câu 5: Cặp từ nào sau đây không phải là từ trái nghĩa ?

- A. Ra - Vào.
- B. Đẹp - Xấu.
- C. Chạy - Nhảy.
- D. Lờ - Bồi.

Câu 6: Từ nào đồng nghĩa với từ tinh khiết ?

- A. Thanh nhã
- B. Trong sạch
- C. Trắng thơm
- D. Thơm mát.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1: Đặt câu với cặp quan hệ từ sau và cho biết ý nghĩa của cặp quan hệ từ đó:

Vì - nên , Giá mà - thì.

Câu 2: Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn (5 - 7 dòng) chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa hoặc từ trái nghĩa.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 7**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)**

1. B
2. A
3. D
4. D
5. C
6. B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1: Đặt câu:

- Vì chăm chỉ học nên cuối năm nó được học sinh giỏi. (nguyên nhân - kết quả)
- Giá mà tôi có nhiều tiền thì tôi sẽ mua được chiếc xe ấy. (điều kiện, giả thiết – kết luận)

Câu 2:

- Viết đoạn văn: Thế là cô nàng mùa xuân trẻ trung, xinh đẹp đã về thay phiên cho bà lão mùa đông già nua lụ khụ! Xuân về mang theo những tia nắng sưởi ấm vạn vật và đất trời. Cây cối đâm chồi nảy lộc, những chiếc lá non xanh mơn mớn hé lộ giữa trời xuân. Những chùm hoa nhỏ li ti xuất hiện trên những cây bưởi, cây cam, cây nhãn... Mưa xuân không to như mưa rào mùa hạ mà nhỏ lất phất chỉ đủ để cảnh đào nở hoa khoe sắc thắm với tạo vật. Xuân về, Tết đến, người lớn, trẻ nhỏ đi chợ xuân mua sắm đồ Tết, nhà nhà cùng nhau gói bánh chưng xanh. Ai cũng vui vẻ và cảm thấy hạnh phúc. Mùa xuân kì diệu như vậy đấy!

- Từ trái nghĩa: trẻ trung – già nua, to – nhỏ, lớn – nhỏ.

4. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 4

TRƯỜNG THCS SÀO NAM

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Câu 1: Xác định từ láy trong những từ sau đây :

- A. Đàng đông
- B. Sáng sớm
- C. Thơm tho
- D. Đây đó.

Câu 2: Các đại từ: Tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao, chúng tớ, mày, chúng mày ... trở gì?

- A. Người.
- B. Số lượng.

C. Hoạt động, tính chất, sự việc.

D. Người hoặc sự vật

Câu 3: Câu sau đây mắc lỗi gì về quan hệ từ “Chúng tôi lắng nghe câu chuyện đầu đến cuối”

A. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

B. Thiếu quan hệ từ.

C. Thừa qua hệ từ

D. Dùng quan hệ từ không có tác dụng liên kết

Câu 4: Chọn các từ đồng nghĩa dưới đây điền vào dấu (...) trong câu văn sau sao cho phù hợp với sắc thái biểu cảm: "Mẹ Nguyễn Thị Thứ là người mẹ Việt Nam anh hùng, có nhiều con (...) trong các cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc".

A. Hi sinh

B. Chết

C. Tử nạn

D. Mất

Câu 5: Từ nào sau đây trái nghĩa với từ “Thân thiết”?

A. Yêu thương

B. Quý mến

C. Kẻ thù

D. Thương nhớ

Câu 6: Câu sau mắc lỗi gì về quan hệ từ:

“Tuy trời nắng nóng nên chúng tôi vẫn quyết định đi chơi.”

A. Thừa quan hệ từ

B. Thiếu quan hệ từ

C. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

D. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết

PHẦN II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1: Thế nào là từ đồng âm, cho ví dụ minh họa.

Khi sử dụng từ đồng âm, ta cần phải chú ý điều gì?

Câu 2: Viết một đoạn văn ngắn (8-10 dòng) trong đó có sử dụng quan hệ từ. Chỉ ra các quan hệ từ đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

1. C

2. D

3. B

- 4. A
- 5. C
- 6. C

PHẦN II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1:

- Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, chẳng liên quan gì với nhau.

- Ví dụ:

+ Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên.

+ Mua được con chim, bạn tôi nhốt ngay vào lồng.

- Trong giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.

Câu 2: Tham khảo: Đoạn văn viết về người bạn thân:

Em có một người bạn thân tên là Nga. Tuy em và bạn ấy không học cùng lớp nhưng chúng em vẫn chơi rất thân với nhau. Nhà em và bạn ấy gần nhau, vì thế chúng em hay sang nhà nhau chơi. Nga là một bạn nữ xinh xắn, dễ thương, đặc biệt bạn học rất giỏi. Vì tính nết vui vẻ, hòa đồng nên em rất yêu quý bạn ấy.

5. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 5

TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm)

a. Thế nào là quan hệ từ? Khi sử dụng quan hệ từ cần lưu ý điều gì?

b. Đặt câu với các cặp từ quan hệ sau:

- Nếu...thì...

- Tuy...nhưng...

Câu 2: (2.0 điểm)

a. Chép thuộc lòng theo trí nhớ bài thơ "Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh" (Phần dịch thơ) của tác giả Lí Bạch.

b. Nêu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của bài thơ?

Câu 3: (6.0 điểm)

Cảm nghĩ về bài thơ Cảnh Khuya của Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1:

a. Quan hệ từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,... giữa các bộ phận của câu giữa câu với câu trong đoạn văn. Khi nói hoặc viết, có những trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp không bắt buộc dùng quan hệ từ (dùng cũng được, không dùng cũng được). Có một số quan hệ từ được dùng thành cặp.

b. Đặt câu:

- Nếu trời mưa thì lớp em không đi tham quan nữa.
- Tuy nhà nghèo nhưng bạn Nam học rất giỏi.

Câu 2:

a. Học sinh chép đúng cả 4 câu thơ, không sai lỗi chính tả thì đạt điểm tối đa. (Còn chép thiếu, sai lỗi chính tả giáo viên tùy theo mức độ để cho điểm).

b. Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

- Nghệ thuật:

+ Từ ngữ giản dị, tinh luyện.

+ Miêu tả kết hợp với biểu cảm.

- Nội dung: Bài thơ thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh.

Câu 3:

a. Mở bài: Giới thiệu những hiểu biết về Bác Hồ và bài thơ Cảnh Khuya.

b. Thân bài:

- Hai câu thơ đầu miêu tả cảnh thiên nhiên ở chiến rung Việt Bắc:

+ Âm thanh của tiếng suối được miêu tả giống như âm thanh của tiếng hát xa.

+ Về hình ảnh ánh trăng lồng vào cây, hoa: Điệp từ lồng. Tạo nên một bức tranh lung linh, huyền ảo...tạo nên một bức tranh đêm rừng tuyệt đẹp, cuốn hút hồn người.

- Hai câu sau: Miêu tả tâm trạng của Bác trong đêm trăng sáng:

+ Người chưa ngủ vì hai lí do, lí do thứ nhất là vì cảnh đẹp làm cho tâm hồn người nghệ sĩ băng khuâng, say đắm. Lí do thứ hai: chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà, lo về cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Cảnh thiên nhiên dù đẹp đẽ, thơ mộng nhưng không làm cho Bác quên đi trách nhiệm lớn lao của một lãnh tụ cách mạng đối với dân, với nước.

+ Cả hai câu thơ cho thấy sự gắn bó giữa con người thi sĩ đa cảm và con người chiến sĩ kiên cường trong Bác. Thể hiện tấm lòng lo lắng của Bác đối với nước nhà

c. Kết bài:

- Cảnh khuya là một bài thơ tứ tuyệt hay và đẹp, có sự kết hợp hài hòa giữa tính cổ điển (hình thức) và tính hiện đại (nội dung).

- Bài thơ thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tinh thần trách nhiệm cao cả của Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam; là dẫn chứng chứng minh cho phong cách tuyệt vời của người nghệ sĩ - chiến sĩ Hồ Chí Minh.

6. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 6

TRƯỜNG THCS GIO HẢI**ĐỀ THI HỌC KÌ 1****NĂM HỌC: 2020 – 2021****MÔN: NGỮ VĂN 7****Thời gian làm bài: 90 phút****PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)****Câu 1:** Trong những từ sau từ nào là từ ghép?

- A. Xôn xao
- B. Hoa hồng
- C. Đo đò
- D. Lung linh

Câu 2: Trong câu “Tôi đi đứng oai vệ”, đại từ “tôi” thuộc ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ hai.
- B. Ngôi thứ nhất số ít.
- C. Ngôi thứ ba số ít.
- D. Ngôi thứ nhất số nhiều.

Câu 3: Từ “Thi sĩ” có nguồn gốc từ đâu?

- A. Từ Hán Việt
- B. Từ thuần Việt
- C. Từ tiếng Anh
- D. Từ tiếng Pháp

Câu 4: Điền quan hệ từ thích hợp vào câu văn sau: “Bạn ấy cố gắng họccha mẹ vui lòng”

- A. Để
- B. Vì
- C. Nhưng
- D. Thì

Câu 5: Tìm cặp từ trái nghĩa trong câu ca dao sau đây :

“Số cô chẳng giàu thì nghèo
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà”

- A. Tết - Nhà
- B. Chẳng - Thì
- C. Giàu - nghèo
- D. Số - Ngày

Câu 6: Việc sử dụng từ láy trong 2 câu thơ sau có tác dụng biểu đạt chính như thế nào?

“Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”

- A. Tô đậm hình ảnh con người nhỏ bé giữa không gian bao la ở chôn Đèo Ngang.
- B. Tô đậm tính chất thưa thớt, tiêu điều của cảnh sinh hoạt ở Đèo Ngang.
- C. Gọi tả một không gian vũ trụ rộng lớn đối lập với con người nhỏ bé, cô đơn.
- D. Gọi tả hình ảnh con người nhỏ nhoi, sự sống thưa thớt qua đó tô đậm khung cảnh đèo Ngang heo hút, hoang sơ.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm) Chữa lại các câu văn sau cho hoàn chỉnh:

- a. Đối với bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứa sẽ tích cực sửa chữa.
- b. Qua bài thơ này đã nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.

Câu 2: (2.0 điểm) Phân biệt nghĩa của các từ trong các nhóm từ đồng nghĩa sau đây:

- a. Ăn, xơi, chén.
- b. Cho, tặng, biếu.

Câu 3: (4.0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn (8-10 dòng) theo đề tài tự chọn trong đó có sử dụng từ ghép và từ láy. Chỉ ra từ ghép và từ láy đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

- 1. B
- 2. B
- 3. A
- 4. A
- 5. C
- 6. D

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1: Chữa lại:

- a. Bỏ từ “đối với”.
- b. Bỏ từ “qua”.

Câu 2: Phân biệt nghĩa của các từ:

- a. Ăn, xơi, chén:
 - Giống: hành động đưa thức ăn vào cơ thể.
 - Khác:
 - + ăn: nghĩa bình thường.
 - + xơi : lịch sự, thường dùng trong lời mời.
 - + chén: thông tục, sắc thái suồng sã, thân mật.

b. Cho, tặng, biếu:

- Giống: tả hành động trao ai vật gì đấy.

- Khác:

+ cho: sắc thái bình thường.

+ tặng: thể hiện sự long trọng, không phân biệt ngôi thứ.

+ biếu: thể hiện sự kính trọng.

Câu 3:

- Đoạn văn mẫu: Thế là mùa xuân mong ước đã đến! Xuân về mang theo những tia nắng sưởi ấm vạn vật và đất trời. Cây cối đâm chồi nảy lộc, những chiếc lá non xanh mơn mớn hé lộ giữa trời xuân. Những chùm hoa nhỏ li ti xuất hiện trên những cây bưởi, cây cam, cây nhãn... Mưa phùn lất phất chỉ đủ để cảnh đào nở hoa khoe sắc thắm với tạo vật. Xuân về, Tết đến, người người đi chợ xuân mua sắm đồ Tết, nhà nhà cùng nhau gói bánh chưng xanh. Ai cũng vui vẻ và cảm thấy hạnh phúc. Mùa xuân kì diệu như vậy đấy!

- Các từ ghép là: mùa xuân, mong ước, tia nắng, vạn vật, đất trời, cây cối, chiếc lá, cây bưởi, cây cam, cây nhãn, cảnh đào, bánh chưng, hạnh phúc, kì diệu.....

- Các từ láy là: mơn mớn, li ti, lất phất, người người, nhà nhà, vui vẻ.

7. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 7

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (1.5 điểm)

Đọc bài thơ:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
 Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
 Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
 Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

(Ngữ văn 7, tập 1)

a. Hãy cho biết tên bài thơ và tác giả

b. Bài thơ được viết trong hoàn cảnh nào

c. Chỉ ra các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ.

Câu 2: (1.5 điểm)

Xếp các từ sau thành hai nhóm:

Sống – chết; cao – thấp; chẵn – lẻ; nông – sâu; già – trẻ; đen – trắng.

Câu 3: (7.0 điểm)

- a. Thông điệp mà tác giả Khánh Hoài gửi gắm qua truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê” là gì?
- b. Hãy phát biểu cảm nghĩ về vai trò của gia đình đối với bản thân em.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1:

a. Gợi ý:

- Tác phẩm: Cảnh khuya.
- Tác giả: Hồ Chí Minh.

b. Hoàn cảnh: Được viết ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp

c. Gợi ý:

- So sánh: Tiếng suối so sánh với tiếng hát.
- Điệp ngữ: chưa ngữ.

Câu 2:

- Nhóm 1: sống – chết; chẵn – lẻ;
- Nhóm 2: cao – thấp; nông – sâu; già – trẻ; đen – trắng.

Câu 3:

a. Thông điệp: Mọi người hãy cố gắng bảo vệ và gìn giữ, không nên vì bất cứ lí do gì làm tổn hại đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng ấy.

b. Gợi ý:

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề.
- Thân bài:

+ Vai trò gia đình:

- Nơi ta được sinh ra, được nuôi lớn.
- Nơi nhận được tình yêu thương, sự che chở của cha mẹ.
- Nơi ta trở về sau những mệt mỏi của cuộc sống

+ Trách nhiệm của bản thân với gia đình:

- Chăm ngoan học giỏi.
- Nghe lời ông bà, cha mẹ.
- Giúp đỡ gia đình những công việc vừa sức với mình.

- Kết bài: Tổng kết vấn đề.

8. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 8

TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm)

- a. Thế nào là đại từ ? Đại từ đảm nhiệm những vai trò ngữ pháp nào?
b. Xác định đại từ trong các câu sau và cho biết đại từ được dùng để làm gì?

- Ai làm cho bể kia đầy

Cho ao kia cạn cho gầy cò con?

(Ca dao)

- Đã bấy lâu nay bác tới nhà

Trẻ thời đi vắng chợ thời xa

(Nguyễn Khuyến)

Câu 2: (3.0 điểm)

- a. Hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản “ Cuộc chia tay của những con búp bê” bằng lời văn của em khoảng 12 dòng.
b. Nêu ý nghĩa của văn bản trên.

Câu 3: (5.0 điểm)

Hãy phát biểu cảm nghĩ về một người thầy (cô) mà em yêu quý.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1:

- a. Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi. Đại từ có thể làm chủ ngữ trong câu hoặc làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.
b. Đại từ “Ai” được dùng để hỏi. Đại từ “bác” dùng để trỏ chung.

Câu 2:

- a. Tóm tắt đúng nội dung bài văn khoảng 12 câu (sai 5 lỗi chính tả trừ 0.25 điểm).
b. Nêu ý nghĩa: Là câu chuyện của những đứa con nhưng lại gọi cho những người làm cha mẹ phải suy nghĩ. Trẻ em cần được sống trong mái ấm gia đình. Mỗi người cần phải biết giữ gìn gia đình hạnh phúc.

Câu 3:

a. Mở bài: Giới thiệu người thầy (cô) và tình cảm của em đối với người ấy.

b. Thân bài:

- Miêu tả những nét nổi bật, đáng chú ý: làn da, mái tóc, hành động,... của thầy (cô).
- Vai trò của người thầy (cô) trong gia đình, ngoài xã hội...
- Các mối quan hệ của người thầy(cô) đối với người xung quanh và thái độ của họ...
- Kỷ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thầy (cô).
- Tình cảm của em đối với người thầy (cô): Sự mong muốn và nỗ lực để xứng đáng với người thầy(cô) của mình.

c. Kết bài:

- Khẳng định vai trò của người thầy (cô) trong cuộc sống.
- Thể hiện lòng biết ơn, sự đền đáp công ơn đối với người thầy (cô).

9. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 9**TRƯỜNG THCS TÔN THẤT TÙNG****ĐỀ THI HỌC KÌ 1****NĂM HỌC: 2020 – 2021****MÔN: NGỮ VĂN 7****Thời gian làm bài: 90 phút****I. Phần đọc - hiểu: (4.0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới:

“... Có thể nói, cả đời ông chưa có tình yêu nào lại gắn bó thủy chung và bền chặt như tình yêu đối với Côn Sơn...Lúc ấy ông tuy mới độ năm một năm hai tuổi nhưng những cuộc tranh quyền đoạt lợi thời hậu chiến của các phe cánh trong triều đình nhà Lê lại vô cùng khốc liệt và phức tạp. Một con người ngay thẳng trung trực như ông không thể nào hoà nhập được. Tuy rất đau lòng nhưng ông cũng không còn cách nào khác là phải tự tách mình ra để tìm đến những thú riêng. Và cái thú riêng của ông chính là trở về sống ẩn dật ở Côn Sơn”.

(Đỗ Đình Tuân)

Câu 1: Đoạn văn trên nói tới tác giả nào?

- A. Nguyễn Trãi.
- B. Nguyễn khuyến.
- C. Bà huyện Thanh Quan.
- D. Hồ Chí Minh.

Câu 2: Câu văn “Một con người ngay thẳng trung trực như ông không thể nào hoà nhập được.” có mấy từ Hán Việt?

- A. Một từ
- B. Hai từ
- C. Ba từ
- D. Bốn từ

Câu 3: Từ “ông” trong đoạn văn trên thuộc loại từ nào?

- A. Danh từ
- B. Động từ
- C. Tính từ
- D. Đại từ

Câu 4: Trong các thông tin về sau, thông tin nào giúp em hiểu thêm về nội dung của văn bản “Bài ca Côn Sơn”?

- A. Nguyễn Trãi là con của Nguyễn Phi Khanh.

- B. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn cạnh Lê Lợi.
- C. Chốn quan trường đầy kẻ dèm pha, ông cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn.
- D. Ông bị giết hại một cách oan khốc và thảm thương vào năm 1442.

Câu 5. (3.0 điểm) Cho đoạn văn sau:

Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”.

- a. Em hiểu thế giới kì diệu sẽ mở ra ở đây là gì?
- b. Từ văn bản trên em hãy viết đoạn văn biểu cảm ngắn (6-8 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về niềm vui được cắp sách tới trường. Trong đoạn văn có sử dụng cặp từ trái nghĩa và từ láy. Gạch chân những cặp từ trái nghĩa và từ láy đã dùng.

II. Phần tạo lập văn bản (6.0 điểm)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son

(*Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương*)

Viết bài văn biểu cảm về hình ảnh người phụ nữ qua bài thơ trên. Từ đó em có suy nghĩ gì về người phụ nữ trong xã hội ngày hôm nay.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 7

I. Phần đọc - hiểu

- 1. A
- 2. B
- 3. B
- 4. C

5. Gợi ý:

a. Thế giới kì diệu ở đằng sau cánh cổng trường có thể là: Thế giới của tri thức, thế giới của tình thầy trò, tình cảm bạn bè...

b.

- Nội dung: bày tỏ niềm vui, hạnh phúc khi được cắp sách tới trường một cách hợp lí.
- Đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu.
- Gạch chân đúng cặp từ trái nghĩa và từ láy.

II. Phần tạo lập văn bản

a. Nội dung: Học sinh bám sát vào yêu cầu của đề cần làm rõ được các ý sau:

- Yêu cầu thấp:

+ Thương cảm xót xa cho số phận người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương: Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương cuộc đời của họ long đong vất vả “bảy nổi ba chìm” như chiếc bánh trôi. Số phận của họ cũng đắng cay bất hạnh, rần hay nát, hạnh phúc hay bất hạnh bị phụ thuộc vào “tay kẻ nặn, là người chồng, người cha, là xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công tàn bạo...”

+ Tự hào và yêu quý về phẩm chất người phụ nữ trong xã hội xưa. Đó là vẻ đẹp của người phụ nữ về hình thể qua tính từ “trắng”, “tròn”. Đó còn là vẻ đẹp của người con gái trẻ trung đầy sức sống. Đặc biệt cuộc đời họ gặp nhiều đau khổ bất hạnh, nhưng người phụ nữ vẫn giữ được những phẩm chất cao đẹp của mình” mà em vẫn giữ tấm lòng son...

- Yêu cầu cao:

+ Học sinh có những liên hệ với người phụ nữ trong những bài ca dao khác và trung văn thơ trung đại (Kiều, Vũ Nương...) để thấy được họ đều là những người phụ nữ đẹp người đẹp nét nhưng lại có số phận đau khổ bất hạnh mà nguyên nhân sâu xa đó không phải ai khác chính là xã hội phong kiến đầy rẫy bất công và tàn bạo...

+ Học sinh có những liên hệ với cuộc sống hôm nay để có những cảm xúc và suy nghĩ đúng đắn chân thành: Từ cảm xúc yêu quý tự hào về xã hội đổi thay, người phụ nữ được đổi đời, được thể hiện tài năng và sắc đẹp trong mọi lĩnh vực xã hội nhưng cuộc sống vẫn còn có những mảnh đời số phận đau khổ để phấn đấu xây dựng cho một xã hội tốt đẹp hơn...

b. Hình thức:

- Tạo được một bố cục khoa học, hình thức các đoạn văn rõ ràng..

- Chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả...

- Dung lượng bài viết hợp lí.

c. Kỹ năng:

- Biết làm một bài văn biểu cảm về nhân vật trữ tình trong thơ.

- Biết lập ý và dựng các đoạn văn biểu cảm, mạch lạc trong suy nghĩ và cảm xúc (đoạn mở, các đoạn thân bài, đoạn kết) biết liên kết câu, đoạn, biết phát biểu cảm xúc suy nghĩ dựa vào đặc điểm của nhân vật trữ tình, bám vào từ ngữ hình ảnh, biện pháp nghệ thuật... trong thơ, biết đưa dẫn chứng minh họa cho cảm xúc suy nghĩ của mình.

- Biết sử dụng thao tác so sánh liên tưởng với người phụ nữ trong các sáng tác cùng thời và liên hệ với cuộc sống hôm nay bằng những cảm xúc suy nghĩ một cách hợp lí...

- Diễn đạt trong sáng, giọng văn có cảm xúc bởi tình cảm chân thành...

10. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 7 số 10

TRƯỜNG THCS TĂNG BẠT HỒ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1: (2.0 điểm)

a. Hoàn chỉnh chính xác các câu thơ còn thiếu trong khổ sau:

“Cháu chiến đấu hôm nay

.....

Ồ trứng hồng tuổi thơ”.

(Ngữ Văn 7, tập 1)

b. Khổ thơ vừa hoàn chỉnh trích từ bài thơ nào? Tác giả bài thơ là ai?

c. Nhân vật trữ tình được nhắc đến trong khổ thơ trên là ai?

Câu 2: (2.0 điểm)

a. Xác định điệp ngữ trong ví dụ sau và nói rõ đây là dạng điệp ngữ gì?

“Nghe xao động nắng trưa
 Nghe bàn chân đỡ mỏi
 Nghe gọi về tuổi thơ”

(Ngữ Văn 7, tập 1)

b. Tìm và chỉ rõ lối chơi chữ trong câu thơ dưới đây:

“Sánh với Na-va “ranh tướng” Pháp
 Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương”

Câu 3: (6.0 điểm)

Hãy viết bài văn cảm nghĩ về một người bà (ông) mà em yêu thương.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 7

Câu 1:

a. Gợi ý:

“Cháu chiến đấu hôm nay
 Vì lòng yêu Tổ quốc
 Vì xóm làng thân thuộc
 Bà ơi, cũng vì bà
 Vì tiếng gà cục tác
 Ồ trứng hồng tuổi thơ.”

b. Gợi ý:

- Bài thơ: Tiếng gà trưa.

- Tác giả: Xuân Quỳnh.

c. Nhân vật trữ tình là người cháu – đồng thời là người lính đang trên đường hành quân.

Câu 2:

a. Gợi ý:

- Điệp ngữ “Nghe”
- Dạng: điệp ngữ chuyển tiếp.

b. Từ “ranh tướng”: là lối nói trại âm. Tác giả dùng từ “ranh tướng” (kẻ ranh ma) để phát âm thay cho từ “danh tướng”.

Câu 3:

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài văn biểu cảm.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức: Triển khai vấn đề theo mạch cảm xúc và đáp ứng đủ các nội dung:

- **Mở bài:** giới thiệu về ông (bà) và gia đình em.

- **Thân bài:**

+ Ngoại hình và tính tình của ông (bà):

- Ông (bà) em năm nay bao nhiêu tuổi?
- Ông (bà) thấp hay cao, tả sơ lược về vóc dáng.
- Miêu tả khuôn mặt ông bà (mắt, mũi, miện...).
- Miệng ông (bà) lúc nào cũng cười để lộ hàm răng đen bóng do ăn trà.
- Mái tóc của ông (bà) đã ngả bạc nhiều.

+ Nêu cảm nghĩ tính cách của ông bà:

- Ông (bà) hiền lành và nhân hậu.
- Ông (bà) yêu thương và luôn quan tâm em; đặc biệt thương bệnh vục em mỗi khi làm điều gì sai và bị bố mẹ cho ăn roi.
- Quần áo ông (bà) thường mặc.
- Thói quen ông (bà) hay làm vào buổi sáng, buổi chiều, buổi tối.
- Ông (bà) thường kể đủ thứ chuyện cho em nghe, bởi vậy em thấy ông (bà) như một cuốn bách khoa toàn thư và em rất thích được ngủ với ông bà.

+ Một số kỉ niệm mà em nhớ mãi về ông (bà):

- Em bị ốm sốt ông (bà) thức khuya chăm sóc em.
- Ông (bà) thường mân mê mái tóc để em ngủ thật sâu.

+ Ý nghĩa của ông bà trong cuộc sống của em:

- Với em ông (bà) mãi là người vĩ đại với tình yêu thương vô bờ bến dành cho bố mẹ và dành cho em.
- Ông (bà) là nguồn sống là nguồn động lực giúp em học tốt.
- Ông (bà) là kho tàng tuổi thơ quý báu mà suốt cuộc đời này em sẽ mang theo.

- **Kết bài:** Cảm nghĩ về ông (bà). Em sẽ trở thành người tốt để ông bà được vui và tự hào.